

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Cục Công nghệ thông tin**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Cục Công nghệ thông tin là tổ chức trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng thống nhất quản lý hoạt động ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, lưu trữ và thông tin tư liệu ngành tài nguyên và môi trường; tổ chức thực hiện việc ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, lưu trữ và thông tin tư liệu trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ và cung cấp các dịch vụ công theo quy định của pháp luật.

2. Cục Công nghệ thông tin có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật, có trụ sở tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Chủ trì xây dựng, trình Bộ trưởng dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình, quy định về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, lưu trữ và thông tin tư liệu ngành tài nguyên và môi trường; hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện sau khi ban hành.

2. Chủ trì xây dựng, trình Bộ trưởng quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ chuyên môn về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, lưu trữ và thông tin tư liệu ngành tài nguyên và môi trường; hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định về chuyên môn các dự án ứng dụng công nghệ thông tin, lưu trữ và thông tin tư liệu sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước của các đơn vị thuộc Bộ.

4. Chủ trì xây dựng, quản lý hệ thống phần mềm và bảo đảm hạ tầng kỹ thuật cho Công thông tin điện tử của Bộ; phối hợp thực hiện duy trì hoạt động của Công thông tin điện tử của Bộ; chủ trì triển khai chương trình tin học hóa quản lý hành chính nhà nước và lộ trình thực hiện Chính phủ điện tử của Bộ.

5. Chủ trì tổ chức xây dựng, quản lý thư viện điện tử ngành tài nguyên và môi trường; quản lý và cung cấp tài liệu thư viện bao gồm các loại sách, tài liệu về tài nguyên và môi trường theo phân công của Bộ trưởng.

6. Hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ công nghệ thông tin, lưu trữ và thông tin tư liệu đối với các đơn vị trong ngành tài nguyên và môi trường.

7. Phối hợp với các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ phân bổ các nguồn vốn ngân sách nhà nước sử dụng cho hoạt động ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin, lưu trữ và thông tin tư liệu thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

8. Về quản lý hoạt động công nghệ thông tin:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin; thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng, quản lý và nghiệm thu các đề án, dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin; thu thập, lưu trữ, công bố, cung cấp thông tin về các sản phẩm, kết quả của các đề án, dự án, nhiệm vụ ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin;

b) Tổ chức kiểm định sản phẩm công nghệ thông tin của các đề án, dự án, sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả của công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành tài nguyên và môi trường;

d) Theo dõi, thống kê, báo cáo tình hình, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của ngành tài nguyên và môi trường.

9. Về hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên môi trường:

a) Chủ trì xây dựng, quản lý, thu thập, cập nhật, duy trì, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường; tích hợp cơ sở dữ liệu thành phần về tài nguyên môi trường, gồm: cơ sở hạ tầng thông tin địa lý, đo đạc

và bản đồ, quản lý đất đai, tài nguyên nước, môi trường, địa chất và khoáng sản, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, biển và hải đảo;

b) Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Bộ về xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung; sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, chứng thư số và chứng thực chữ ký số trong giao dịch điện tử của Bộ; xây dựng, cập nhật, quản lý, cung cấp, khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

c) Cung cấp, trao đổi thông tin dữ liệu thuộc cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

10. Về cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin:

a) Chủ trì tổ chức thiết kế, lắp đặt, quản lý, vận hành, hướng dẫn sử dụng hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin của Bộ;

b) Chủ trì hướng dẫn các đơn vị liên quan duy trì hoạt động ổn định hệ thống mạng diện rộng, trung tâm dữ liệu, hệ thống giao ban điện tử và các hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin;

c) Xây dựng, tổ chức thực hiện các giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn và ứng phó với các sự cố đối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thông tin số của Bộ;

d) Làm đầu mối kết nối với mạng thông tin của Chính phủ, các Bộ, ngành và các tổ chức có liên quan.

11. Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thương mại hóa thông tin:

a) Chủ trì xây dựng, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến;

b) Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng, thực hiện các dịch vụ công trực tuyến và thương mại hóa thông tin, dữ liệu, sản phẩm tài nguyên và môi trường;

c) Tổ chức công bố, cung cấp thông tin tư liệu tổng hợp về tài nguyên và môi trường theo quy định; phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ công bố, cung cấp thông tin, tư liệu chuyên ngành thuộc các lĩnh vực quản lý của Bộ.

12. Thực hiện việc tổng hợp, lưu trữ và công bố số liệu thống kê của ngành tài nguyên và môi trường theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành tài nguyên và môi trường.

13. Thực hiện các dịch vụ về công nghệ thông tin, lưu trữ và thông tin tư liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

14. Tổ chức thực hiện cải cách hành chính theo chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của Bộ.

15. Phối hợp quản lý hoạt động của các hội, các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của Cục.

16. Là cơ quan đầu mối thực hiện Chiến lược Công nghệ thông tin và Truyền thông quốc gia; cơ quan thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

17. Tổ chức nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về công nghệ thông tin, lưu trữ và thông tin tư liệu tài nguyên và môi trường theo phân công của Bộ trưởng.

18. Quản lý tổ chức, biên chế, vị trí việc làm; công chức, viên chức, người lao động; phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ trong việc xây dựng và phát triển hệ thống tổ chức, nhân lực về công nghệ thông tin; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về công nghệ thông tin, lưu trữ và thông tin tư liệu tài nguyên và môi trường theo quy định và theo phân công của Bộ trưởng.

19. Quản lý tài chính, tài sản thuộc Cục; thực hiện trách nhiệm của đơn vị dự toán cấp II đối với các đơn vị trực thuộc Cục theo quy định và theo phân công của Bộ trưởng.

20. Thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ được phân công.

21. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng phân công.

Điều 3. Lãnh đạo Cục Công nghệ thông tin

1. Cục Công nghệ thông tin có Cục trưởng và không quá 03 Phó Cục trưởng.

2. Cục trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về các nhiệm vụ được giao; xây dựng quy chế làm việc và điều hành hoạt động của Cục, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Cục; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức thuộc Cục; ký các văn bản về chuyên môn, nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các văn bản khác theo phân công và ủy quyền của Bộ trưởng.

3. Phó Cục trưởng giúp việc Cục trưởng, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng về lĩnh vực công tác được phân công.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Hệ thống thông tin.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính.

3. Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế.

4. Phòng Pháp chế và Quản lý hoạt động công nghệ thông tin.

5. Văn phòng.
6. Chi nhánh Cục Công nghệ thông tin tại thành phố Hồ Chí Minh.
7. Trung tâm Công nghệ phần mềm và GIS.
8. Trung tâm Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin.
9. Trung tâm Kiểm định sản phẩm công nghệ thông tin.
10. Trung tâm Lưu trữ và Thông tin tài nguyên môi trường.
11. Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao công nghệ.
12. Trung tâm Ứng dụng công nghệ thông tin phía Nam (trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh).

Văn phòng, Chi nhánh Cục Công nghệ thông tin tại thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức từ khoản 7 đến khoản 12 là đơn vị dự toán cấp III, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1495/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Công nghệ thông tin.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Ban cán sự đảng Bộ;
- Đảng ủy Bộ;
- Công đoàn Bộ;
- Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Bộ;
- Hội Cựu chiến binh cơ quan Bộ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, TCCB, HH50.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Minh Quang